

Số: 40 /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH sản xuất Sweet Land- Tex số 22/GPMT ngày 22 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 709/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp giấy phép cho Công ty TNHH sản xuất Sweet Land- Tex, địa chỉ: KCN Dệt may Phố Nối, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy nhuộm Sweet Land- Tex với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nhuộm Sweet Land- Tex.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng thuê của công ty TNHH may thêu Khải Hoàn, KCN Dệt may Phố Nối, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901065027 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 12

năm 2024, do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 6557362641 chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 11 năm 2025 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0901065027.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại chỉ, sợi; nhuộm các loại chỉ, sợi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 2.290 m<sup>2</sup> nhà xưởng thuê của công ty TNHH may thêu Khải Hoàn.

- Loại hình dự án: Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Nhóm dự án: Dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất:

Sản xuất, nhuộm các loại chỉ, sợi công suất 300 tấn/năm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (sợi PP, sợi thun) → kiểm tra nguyên liệu → (đánh ống chỉ → nhuộm)/nhuộm → giặt → vắt → sấy khô → chia cuộn → đóng gói → thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH sản xuất Sweet Land- Tex có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đến ngày 15 tháng 7 năm 2033.

*(Theo thời hạn hoạt động của dự án quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6557362641 chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 11 năm 2025 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp).*

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- BQL các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- UBND xã Nguyễn Văn Linh;
- Lưu: VT, KT2<sup>Tr</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hùng Nam**

**Phụ lục 1**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 40/GPMT-UBND ngày 09/01/2026*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)*

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Công ty không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án với lượng tối đa khoảng 3,75 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm: Nước thải nhà bếp được thu gom qua hệ thống song chắn rác và tách dầu mỡ (kích thước 0,5m x 0,5m x 0,5m); nước thải nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 10m<sup>3</sup> và 15m<sup>3</sup>) sau đó được dẫn vào hệ thống cống tròn BTCT kích thước B200, chiều dài khoảng 95m đến vị trí hố gom nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ dự án với lượng tối đa khoảng 57,615 m<sup>3</sup>/ngày đêm được thu gom bằng đường ống HDPE D315, chiều dài 110m bề điều tiết sau đó được dẫn vào hố gom nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Nước thải từ hố gom nước thải theo đường ống HDPE D315, dài 147m về điểm đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Công ty TNHH sản xuất Sweet Land- Tex đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối theo Hợp đồng xử lý nước thải số 260/2024/HĐ-XLNT ngày 31/12/2024 với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối là chủ đầu tư hạ tầng KCN dệt may Phố Nối. Số lượng điểm đấu nối: 01 điểm.

Tọa độ vị trí đấu nối nước thải (Theo hệ VN2000; kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>): X (m): 2314879; Y (m): 557996.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

**1.2.1. Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → hố ga đấu nối nước thải với KCN dệt may Phố Nối.

Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn → bể tách mỡ → hố ga đấu nối nước thải với KCN dệt may Phố Nối.

**1.2.2. Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất**

- Nước thải sản xuất (từ công đoạn giặt, nhuộm) → thiết bị giải nhiệt ống chùm + nước thải phòng thí nghiệm → bể điều tiết nước thải (dung tích 60m<sup>3</sup>) → nước thải đạt tiêu chuẩn đấu nối vào KCN dệt may Phố Nối.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Từ ngày 25/02/2026 đến 25/8/2026.

### **2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải của nhà máy.

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý sơ bộ nước thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm: pH, nhiệt độ, độ màu, TSS, sunfua, COD, BOD<sub>5</sub>, tổng Nitơ, clo dư, clorua, xyanua, dầu mỡ khoáng, Coliform.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nổi của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp dệt may Phố Nối trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định.

3.4. Bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, lắng cặn qua hố ga trước khi đưa vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét định kỳ hố ga thu nước mưa và rãnh thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài.

3.5. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp dệt may Phố Nối để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường. *W*

## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40/GPMT-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

### 1. Nguồn phát sinh khí thải

Có 02 nguồn:

- Nguồn số 01: Khí thải từ công đoạn nhuộm chỉ;
- Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn giặt chỉ.

### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn nhuộm, giặt.

Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):  
X(m)=2314778; Y(m)=557992.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn theo thời gian sản xuất.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc môi trường định kỳ
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤80	
3	Benzene	mg/Nm <sup>3</sup>	≤5	
4	Anilin	mg/Nm <sup>3</sup>	≤15	
5	Formaldehyt	mg/Nm <sup>3</sup>	≤15	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải**

Khu vực giặt nhuộm được cách ly với khu vực sản xuất khác bằng các tấm nhựa trong. Hơi hóa chất phát sinh từ 12 máy nhuộm và giặt chỉ được quạt hút thu gom qua hệ thống đường ống thép CT3 sơn chống gỉ D100, D250 ngay tại vị trí phát sinh rồi dẫn vào đường ống dẫn khí chính bằng đường ống thép CT3 sơn chống gỉ D400 về hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải**

- Quy trình công nghệ: Hơi hóa chất từ giặt, nhuộm → ống dẫn khí → tháp hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B, thải ra môi trường qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Từ ngày 25/02/2026 đến 25/8/2026.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm**

- 01 hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn nhuộm và giặt chỉ.

- Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số ô nhiễm: Lưu lượng, bụi (PM), Benzen, Anilin, Formaldehyt.

+ Giá trị giới hạn cho phép: Theo QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; dự phòng trang thiết bị dễ hư hỏng để kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên tình trạng vận hành của các công trình xử lý khí thải để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trường hợp xảy ra sự cố, phải dừng hoạt động sản xuất tại hệ thống có sự cố để kiểm tra, khắc phục và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải vận hành đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường. *u*

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40/GPMT-UBND ngày 29/01/2026*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Có 02 nguồn:

- Nguồn số 1: Hoạt động của hệ thống xử lý khí thải;
- Nguồn số 2: Hoạt động của công đoạn giặt, nhuộm.

**2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn**

TT	QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đến ngày 31/12/2026		QCVN 26:2025/BTNMT áp dụng từ ngày 01/01/2027			Ghi chú (Khu vực E)
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ngày từ 6-trước 18 giờ (dBA)	Tối từ 18-trước 22 giờ (dBA)	Đêm từ 22-trước 6 giờ (dBA)	
1	70	55	70	65	60	Thời gian áp dụng trong ngày

*Khu vực E: khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật*

**3.2. Độ rung**

TT	QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đến ngày 31/12/2026		QCVN 27:2025/BTNMT áp dụng từ ngày 01/01/2027		Ghi chú (Khu vực D)
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	Ngày từ 6-22 giờ	Đêm từ 22-6 giờ	
1	70	60	75	70	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB

*Khu vực D: khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật*

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm.
- Đối với các thiết bị không thể cách ly (máy bơm, quạt gió...) sử dụng các mối nối mềm tại các ống hút, đẩy; lắp các chi tiết giảm ồn, gioăng cao su, lò xo giảm chấn.
- Thường xuyên thay thế phụ tùng, thiết bị theo đúng quy định của nhà

sản xuất.

- Bố trí khu vực xử lý khí thải riêng, cách xa khu làm việc của công nhân.

## **2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn; nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định. [b](#)

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **40**/GPMT-UBND ngày **09**/01/2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Loại chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	3	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	10	17 02 03
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	115	12 01 04
<b>Tổng</b>		<b>128</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)
1	Lõi chì hỏng	1.600
2	Bao bì giấy, thùng carton phát sinh từ hoạt động văn phòng	80
3	Bao gói nguyên liệu, sản phẩm hỏng	120
<b>Tổng</b>		<b>1.800</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 7,8 tấn/năm.**

**1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in	3	08 02 04
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	500	18 01 03
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tạo các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	30	18 02 01
4	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại	300	12 06 05
<b>Tổng</b>		<b>833</b>	

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

Diện tích khoảng 18 m<sup>2</sup>; dạng phòng kín, có cửa ra vào, bố trí khay chống tràn đổ CTNH dạng lồng; có thiết bị PCCC, dán nhãn cảnh báo CTNH theo quy định.

**2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Diện tích 20 m<sup>2</sup>. Kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo theo quy định.

### ***2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chất thải sinh hoạt***

Diện tích khu lưu giữ diện tích 5m<sup>2</sup> có mái che, nền cứng, tránh nước mưa chảy tràn, có biển báo theo quy định.

### ***2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt***

Diện tích 16m<sup>2</sup>, tường bao, có mái che, sàn bê tông kín khít, không bị thấm thấu. Gắn biển báo theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. *2*

**Phụ lục 5****YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40/GPMT-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không còn hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

**D. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thường xuyên rà soát quy trình, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, vận hành hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn vệ sinh môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, an toàn hóa chất, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./v